

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>	<b>1</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>5</b>
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>7</b>
<b>Thuyết minh Báo cáo tài chính</b>	<b>9</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.979.455.707.369</b>	<b>3.466.217.585.478</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>264.941.982.468</b>	<b>770.927.664.834</b>
111	1. Tiền		142.373.517.053	340.160.278.936
112	2. Các khoản tương đương tiền		122.568.465.415	430.767.385.898
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>401.075.231.062</b>	<b>271.325.737.173</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.320.000.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		399.755.231.062	271.325.737.173
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.384.635.947.317</b>	<b>1.022.896.544.181</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.269.419.970.278	914.121.519.657
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		92.091.393.244	57.343.228.502
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	23.208.469.976	16.885.120.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	39.549.478.516	85.899.512.244
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(39.709.377.160)	(51.629.924.031)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		76.012.463	277.087.809
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>911.281.494.040</b>	<b>1.378.861.337.210</b>
141	1. Hàng tồn kho		930.663.632.550	1.387.600.833.410
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(19.382.138.510)	(8.739.496.200)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>17.521.052.482</b>	<b>22.206.302.080</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.558.898.733	2.380.796.252
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.935.814.858	18.802.545.278
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	26.338.891	1.022.960.550
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.674.126.049.884</b>	<b>1.682.298.233.075</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>64.900.000</b>	<b>8.523.772.476</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		64.900.000	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn		-	457.724.476
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	-	8.066.048.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>899.062.934.288</b>	<b>750.065.201.022</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	841.171.031.503	675.109.785.964
222	- Nguyên giá		1.604.832.661.950	1.512.780.293.213
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(763.661.630.447)	(837.670.507.249)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	57.891.902.785	74.955.415.058
228	- Nguyên giá		68.819.552.152	84.863.183.598
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.927.649.367)	(9.907.768.540)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>86.020.781.765</b>	<b>337.570.727.947</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	86.020.781.765	337.570.727.947
<b>250</b>	<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>568.796.136.605</b>	<b>458.740.221.118</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		560.153.008.794	449.133.104.318
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.215.707.611	10.591.514.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(572.579.800)	(984.397.800)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>120.181.297.226</b>	<b>127.398.310.512</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	119.482.767.220	123.442.256.767
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		698.530.006	3.956.053.745
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.653.581.757.253</b>	<b>5.148.515.818.553</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.862.035.850.420</b>	<b>2.407.699.506.770</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.728.231.679.017</b>	<b>2.294.253.255.662</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	560.066.687.800	576.964.314.072
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		113.582.012.215	118.621.678.224
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	36.444.592.141	52.288.685.558
314	4. Phải trả người lao động		90.498.152.173	143.747.897.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	39.198.762.031	86.709.024.960
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	6.293.493.060	58.434.941.980
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	303.281.768.042	331.333.663.527
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	514.147.920.125	806.250.113.649
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	23.732.055.606	77.455.883.215
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		40.986.235.824	42.447.052.888
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>133.804.171.403</b>	<b>113.446.251.108</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	37.142.815.909	9.945.550.193
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	8.971.152.142	7.597.579.662
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	31.927.689.000	28.380.689.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		177.699.715	528.689.079
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	19	44.756.302.140	43.481.057.632
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.828.512.497	23.512.685.542

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

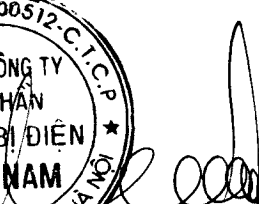
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.791.545.906.833</b>	<b>2.740.816.311.783</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>2.779.366.481.567</b>	<b>2.729.812.916.008</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.436.887.355	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		47.050.714.170	47.513.826.624
415	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		78.219.821	960.044.030
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		123.654.269.866	107.862.750.909
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	198.392.508
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		536.106.734.289	629.439.175.337
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		238.332.160.100	311.007.098.478
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		297.774.574.189	318.432.076.859
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		461.064.656.066	548.863.726.600
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>12.179.425.266</b>	<b>11.003.395.775</b>
431	1. Nguồn kinh phí		2.879.212.547	1.857.403.945
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		9.300.212.719	9.145.991.830
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.653.581.757.253</b>	<b>5.148.515.818.553</b>


Đoàn Thị Lan Phương  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Tiến Vinh  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III năm 2015		Quý III năm 2014		9 tháng đầu năm	
			VND	VND	VND	VND	2015	2014
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	3.459.686.819.376	2.344.850.356.473	7.975.071.586.662	7.000.909.829.577		
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	26	32.154.542.063	451.956.351.854	215.326.882.361	468.744.516.936		
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.427.532.277.313	1.892.894.004.619	7.759.744.704.301	6.532.165.312.641		
11	Giá vốn hàng bán	27	3.200.846.957.936	1.580.902.102.830	6.918.842.795.501	5.664.800.351.654		
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		226.685.319.377	311.991.901.789	840.901.908.800	867.364.960.987		
21	Doanh thu hoạt động tài chính		27.935.793.585	8.045.047.690	70.373.257.373	102.022.214.609		
22	Chi phí tài chính		17.703.353.429	19.439.355.787	55.522.985.201	60.766.565.767		
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.642.292.959	1.968.236.951	35.024.874.984	36.342.085.071		
24	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		18.232.880.971	30.337.158.867	20.648.502.133	824.880.201		
25	Chi phí bán hàng		49.426.004.149	97.337.014.903	148.624.386.087	227.862.671.532		
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp		73.734.504.272	94.811.849.530	235.590.990.825	219.317.547.791		
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		131.990.132.083	138.785.888.126	492.185.306.193	462.265.270.707		
31	Thu nhập khác		2.279.755.158	5.532.628.077	4.579.926.311	7.942.347.356		
32	Chi phí khác		1.229.167.589	4.252.786.702	2.755.538.823	4.847.786.602		
40	Lợi nhuận khác		1.050.587.569	1.279.841.375	1.824.387.488	3.094.560.754		
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		133.040.719.652	140.065.729.501	494.009.693.681	465.359.831.461		
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28a	20.392.531.306	22.435.342.675	92.362.162.949	88.063.402.121		
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	28b	11.434.744	(367.265.978)	797.461.964	54.931.756		
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		112.636.753.602	117.997.652.804	400.850.068.768	377.241.497.584		

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

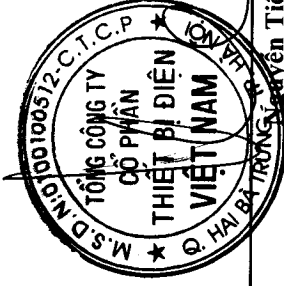
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III năm		9 tháng đầu năm	
			2015	2014	2015	2014
			VND	VND	VND	VND
61	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		106.117.671.063	118.096.588.284	297.774.574.189	295.481.573.316
62	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		6.519.082.539	(98.935.480)	103.075.494.579	81.759.924.268
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	724	848	2.068	2.118
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	724	848	2.068	2.118

Đoàn Thị Lan Phương  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tiến Vinh  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm
			2015 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>494.009.693.681</b>
	<b>6. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		56.835.075.229
03	- Các khoản dự phòng		(20.819.639.315)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		43.203.791
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(86.532.967.350)
06	- Chi phí lãi vay		35.024.874.984
08	- <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>478.560.241.020</b>
	<b>71</b>		
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(518.931.330.374)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		456.937.200.860
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(687.312.641.869)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.252.299.977)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(1.320.000.000)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(33.492.345.446)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(132.276.070.871)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.880.306.091
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(58.063.147.483)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(487.270.088.049)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(105.802.639.335)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		762.250.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(224.600.830.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		57.269.724.500
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		68.123.601.929
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(204.247.892.906)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		216.378.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.180.755.853.985
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(1.043.546.255.016)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(168.068.920.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>185.518.678.969</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(505.999.301.986)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	9 tháng đầu năm <u>2015</u> VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		770.927.664.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		13.619.620
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u><u>264.941.982.468</u></u>

Đoàn Thị Lan Phương  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tiến Vinh  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011, thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2015 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

#### **Cấu trúc Tổng Công ty**

- **Tổng số Công ty con: 08 công ty**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 05 công ty con trực tiếp và 03 công ty con gián tiếp;
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: không có.
  
- **Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty:** Trong kỳ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) và Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại 02 công ty này giảm xuống. 02 công ty này từ công ty con trở thành công ty liên kết của Tổng công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

- **Tổng Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty GELEX Cambodia	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

- **Tổng Công ty có các công ty con gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51,75%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	TP. Hà Nội	35,94%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

- **Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị Điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 35.

### **2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 09 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

## **2.5 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

Việc áp dụng tỷ giá khi chuyển đổi Báo cáo tài chính tuân thủ theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân kỳ kế toán (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

## **2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.10 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.11 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.12 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

**2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.18 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa từ 3% đến 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**2.19 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động bán hàng cho khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống...) là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ mà Tổng Công ty sẽ cung cấp miễn phí (hoặc số tiền phải chiết khấu, giảm giá) cho người mua khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống/....).

**2.20 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

**2.21 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

**2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.23 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.24 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.26 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	5.634.457.424	4.201.727.172
Tiền gửi ngân hàng	136.739.059.629	335.958.551.764
Các khoản tương đương tiền	122.568.465.415	430.767.385.898
	<b>264.941.982.468</b>	<b>770.927.664.834</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	399.755.231.062	399.755.231.062	271.325.737.173	271.325.737.173
- Tiền gửi có kỳ hạn	399.755.231.062	399.755.231.062	271.325.737.173	271.325.737.173
	<b>399.755.231.062</b>	<b>399.755.231.062</b>	<b>271.325.737.173</b>	<b>271.325.737.173</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>368.932.480.641</b>	<b>560.153.008.794</b>	<b>279.908.904.069</b>	<b>449.133.104.318</b>
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	19.553.050.752	16.777.167.627	20.188.297.220
- Công ty CP Thiết bị điện	92.462.038.822	111.771.909.879	-	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	5.525.790.736	5.233.587.356	5.524.630.171
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	110.676.468.609	69.285.387.977	119.105.505.506
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	5.332.103.750	5.126.546.240	-	-
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	179.842.195.109	307.499.242.578	188.612.761.109	304.314.671.421
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>9.215.707.611</b>	<b>8.643.127.811</b>	<b>10.591.514.600</b>	<b>9.607.116.800</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	1.606.090.200	2.178.670.000	1.194.272.200
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	4.995.833.299	4.995.833.299	4.995.833.299
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	1.057.011.301	1.057.011.301	1.057.011.301
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	260.000.000	260.000.000	260.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	2.100.000.000	2.100.000.000
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	600.000.000	600.000.000	-	-
- Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội	124.193.011	124.193.011	-	-
	<b>378.148.188.252</b>	<b>568.796.136.605</b>	<b>290.500.418.669</b>	<b>458.740.221.118</b>
		<b>(572.579.800)</b>		<b>(984.397.800)</b>

(\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo Phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên Báo cáo tài chính của Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm lập BCTC hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty vào ngày 30/09/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

**Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC**

Tháng 02/2015, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%.

**Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị Điện**

Tháng 7/2015, Công ty Cổ phần Thiết bị Điện hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam	64.674.477.727	26.403.122.171
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	52.561.097.107	74.617.874.069
- Electricite Du Cambodge (EDC)	-	19.608.870.986
- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng	56.500.198.879	2.706.238.700
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	104.270.646.920	-
- Công ty Cổ phần Điện máy TP. Hồ Chí Minh	43.808.078.872	31.653.787.155
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	-	18.613.153.958
- Myanmar Solar Rays Co., Ltd Solar Rays Electrical Trading	35.227.994.285	18.826.721.261
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	-	19.289.526.417
- Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	55.961.571.862	26.874.268.945
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đức Tường PQ	28.695.313.231	45.399.984.953
- Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dền	80.285.558.653	52.969.628.527
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Kim Biên	51.221.159.614	54.340.549.584
- Các khoản phải thu khách hàng khác	696.213.873.128	522.817.792.931
	<u><b>1.269.419.970.278</b></u>	<u><b>914.121.519.657</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

	Mối quan hệ	30/09/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan			
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	2.664.362.600	3.201.857.600
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	23.863.932.408	15.094.288.769
- Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty liên kết	7.601.186.707	-
		<b>34.129.481.715</b>	<b>18.296.146.369</b>

**6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
Cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	323.349.976	-
	<b>23.208.469.976</b>	<b>16.885.120.000</b>

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>39.549.478.516</b>	-	<b>85.899.512.244</b>	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.101.407.804	-	4.223.515.094	-
Phải thu người lao động	99.375.000	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	20.098.689	-	267.004.449	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	17.398.933	-	18.419.563	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	11.441.380	-	12.074.700	-
Tạm ứng	6.167.876.439	-	16.321.780.495	-
Ký cược, ký quỹ	23.044.894.207	-	51.811.608.278	-
Phải thu về thuế	-	-	8.953.733.946	-
Phải thu Kinh phí xây dựng hạ tầng	-	-	1.000.000.000	-
Phải thu khác	8.086.986.064	-	3.291.375.719	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	<b>8.066.048.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	8.066.048.000	-
	<b>39.549.478.516</b>	-	<b>93.965.560.244</b>	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	17.092.537.938	-
Nguyên liệu, vật liệu	264.171.959.965	-	363.507.740.731	(183.160.618)
Công cụ, dụng cụ	3.562.713.220	-	5.022.129.334	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	104.544.850.633	-	169.909.447.845	-
Thành phẩm	494.161.651.542	(19.102.387.510)	665.122.367.802	(8.276.584.582)
Hàng hoá	42.785.863.341	(279.751.000)	152.214.105.099	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	21.436.593.849	-	14.732.504.661	-
	<b>930.663.632.550</b>	<b>(19.382.138.510)</b>	<b>1.387.600.833.410</b>	<b>(8.739.496.200)</b>

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
- <b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>56.290.079.190</b>	<b>314.157.186.967</b>
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	4.526.282.862	297.305.468.099
Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	14.141.185.080	5.683.541.634
Dự án Nhà máy cáp điện Cadivi Miền Trung	12.596.405.768	2.143.754.760
Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	9.902.817.803	260.410.182
Công trình mở rộng Nhà xưởng của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	5.889.704.908	-
Công trình khác	5.095.467.859	4.625.797.382
- <b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>19.162.314.742</b>	<b>21.773.910.400</b>
Chi phí mua đất Khu đô thị An Phú - An Khánh	-	15.100.000.000
Dây chuyền máy kéo đại	3.905.701.000	3.400.000.000
Phần mềm ERP	3.287.000.400	2.872.460.400
Các tài sản khác	11.969.613.342	401.450.000
- <b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>10.568.387.833</b>	<b>1.639.630.580</b>
Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	10.568.387.833	1.639.630.580
	<b>86.020.781.765</b>	<b>337.570.727.947</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	576.902.579.836	811.382.480.627	100.157.427.746	24.257.405.004	80.400.000	1.512.780.293.213
- Mua trong kỳ	65.906.563	42.887.082.143	15.041.898.454	513.129.726	-	58.508.016.886
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	208.000.217.931	11.154.785.358	-	82.811.532.777	-	301.966.536.066
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	39.123.000	2.384.081	-	41.507.081
- Thanh lý, nhượng bán	(271.143.636)	(1.393.337.805)	(346.151.830)	-	-	(2.010.633.271)
- Giảm do chuyển công ty con thành Công ty liên kết	(95.460.396.219)	(142.339.357.958)	(23.150.877.493)	(5.051.458.568)	(80.400.000)	(266.082.490.238)
- Giảm khác	(356.567.787)	(14.000.000)	-	-	-	(370.567.787)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>688.880.596.688</b>	<b>721.677.652.365</b>	<b>91.741.419.877</b>	<b>102.532.993.020</b>	<b>-</b>	<b>1.604.832.661.950</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	258.136.654.812	494.114.902.908	65.296.205.850	20.042.343.679	80.400.000	837.670.507.249
- Khấu hao trong kỳ	20.157.345.850	43.472.674.252	5.629.195.792	4.333.006.163	-	73.592.222.057
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	15.396.557	977.743	-	16.374.300
- Thanh lý, nhượng bán	(71.847.927)	(871.485.499)	(188.020.423)	-	-	(1.131.353.849)
- Giảm do chuyển công ty con thành Công ty liên kết	(36.820.986.319)	(92.574.887.850)	(12.742.807.849)	(4.254.868.439)	(80.400.000)	(146.473.950.457)
- Giảm khác	(11.502.187)	(666.666)	-	-	-	(12.168.853)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>241.389.664.229</b>	<b>444.140.537.145</b>	<b>58.009.969.927</b>	<b>20.121.459.146</b>	<b>-</b>	<b>763.661.630.447</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	318.765.925.024	317.267.577.719	34.861.221.896	4.215.061.325	-	675.109.785.964
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>447.490.932.459</b>	<b>277.537.115.220</b>	<b>33.731.449.950</b>	<b>82.411.533.874</b>	<b>-</b>	<b>841.171.031.503</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	79.437.072.507	2.777.471.665	2.648.639.426	84.863.183.598
- Mua trong kỳ	-	6.067.200.000	-	6.067.200.000
- Giảm do chuyển đổi công ty con thành liên kết	-20.577.136.721	(1.533.694.725)	-	(22.110.831.446)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>58.859.935.786</b>	<b>7.310.976.940</b>	<b>2.648.639.426</b>	<b>68.819.552.152</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	6.818.668.105	1.867.475.422	1.221.625.013	9.907.768.540
- Khấu hao trong kỳ	764.869.293	876.389.931	135.592.447	1.776.851.671
- Giảm do chuyển đổi công ty con thành liên kết	(57.263.752)	(699.707.092)	-	(756.970.844)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.526.273.646</b>	<b>2.044.158.261</b>	<b>1.357.217.460</b>	<b>10.927.649.367</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	72.618.404.402	909.996.243	1.427.014.413	74.955.415.058
Tại ngày cuối kỳ	<b>51.333.662.140</b>	<b>5.266.818.679</b>	<b>1.291.421.966</b>	<b>57.891.902.785</b>

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/09/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.558.898.733</b>	<b>2.380.796.252</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	821.870.710	2.380.796.252
Chi phí thuê kho, văn phòng, thuê đất	344.441.049	-
Chi phí sử dụng hạ tầng Khu công nghiệp	466.040.377	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	926.546.597	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>119.482.767.220</b>	<b>123.442.256.767</b>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.982.228.151	11.671.271.641
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	4.310.165.278	5.445.295.097
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.409.776.426	12.001.250.757
Chi phí thuê đất trả trước	91.067.737.811	92.818.552.769
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.712.859.554	1.505.886.503
	<b>122.041.665.953</b>	<b>125.823.053.019</b>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	43.310.410	10.149.476.457	736.312.224.847	743.315.919.932	20.507.733	3.122.978.695						
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.468.538	150.639.429	2.208.655.211	2.340.106.896	5.831.158	18.550.364						
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	973.181.602	38.331.740.850	125.935.701.795	132.276.070.871	-	31.018.190.172						
Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.500.748.626	25.096.737.400	27.503.279.653	-	1.094.206.373						
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	113.625.218	18.100.202.966	17.028.560.159	-	1.185.268.025						
Các loại thuế khác	-	42.454.978	622.227.745	664.682.723	-	-						
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	281.968.882	276.570.370	-	5.398.512						
	<b>1.022.960.550</b>	<b>52.288.685.558</b>	<b>908.557.718.846</b>	<b>923.405.190.604</b>	<b>26.338.891</b>	<b>36.444.592.141</b>						

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	381.697.197	978.272.162
- Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	3.349.484.943	3.388.784.891
- Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	16.998.577.684	47.163.601.097
- Chi phí hoa hồng	9.823.576.076	21.596.588.670
- Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	3.070.875.500	3.070.875.500
- Trích trước chi phí khuyến mại	3.000.000.000	6.572.851.000
- Chi phí phải trả khác	2.574.550.631	3.938.051.640
	<b>39.198.762.031</b>	<b>86.709.024.960</b>

**16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.293.493.060</b>	<b>58.434.941.980</b>
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	1.019.339.517	872.149.354
- Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	4.722.153.543	2.767.517.405
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	552.000.000	54.795.275.221
<b>b) Dài hạn</b>	<b>37.142.815.909</b>	<b>9.945.550.193</b>
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	37.142.815.909	9.945.550.193
	<b>43.436.308.969</b>	<b>68.380.492.173</b>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>303.281.768.042</b>	<b>331.333.663.527</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.087.852.802
- Kinh phí công đoàn	1.983.971.493	2.928.982.471
- Bảo hiểm xã hội	1.101.458.229	343.516.974
- Bảo hiểm y tế	240.425.204	121.826.929
- Bảo hiểm thất nghiệp	56.726.958	217.235.866
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	262.914.866.780	252.550.342.331
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.290.000	808.210.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	3.371.884.550	2.288.720.969
- Phải trả lãi vay	2.237.717.126	108.612.623
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	36.964.348.246
- Cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC góp thêm vốn điều lệ	-	10.000.000.000
- Tiền thực hiện dự án VP - Cty CP SX và TM EMIC	6.659.669.712	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.575.757.990	3.914.014.316
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.971.152.142</b>	<b>7.597.579.662</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.971.152.142	7.597.579.662
	<b>312.252.920.184</b>	<b>338.931.243.189</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>514.147.920.125</b>	<b>791.801.857.877</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	43.007.207.234	29.050.925.533
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	-	315.415.287.947
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	97.457.780.191
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	19.115.149.616	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	69.703.100.469	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	-	67.093.620.809
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	227.627.995.126	88.854.600.473
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	14.381.489.176	7.494.979.818
Ngân hàng TMCP Quân đội	59.249.270.994	54.984.151.929
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	-	5.311.500.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	5.485.982.888	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	9.986.556.490
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	49.608.067.830	87.099.501.597
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.300.000.000	1.150.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	50.000.000	100.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi	-	100.000.000
Vay cá nhân	24.619.656.792	27.702.953.090
<b>b) Dài hạn</b>	<b>31.927.689.000</b>	<b>42.828.944.772</b>
- <b>Kỳ hạn dưới 12 tháng</b>	<b>3.547.000.000</b>	<b>14.448.255.772</b>
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	260.255.772
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	3.547.000.000	14.188.000.000
- <b>Kỳ hạn trên 12 tháng</b>	<b>28.380.689.000</b>	<b>28.380.689.000</b>
Công ty Đầu tư tài chính Việt Nam	28.380.689.000	28.380.689.000
	<b>546.075.609.125</b>	<b>834.630.802.649</b>

**19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>23.732.055.606</b>	<b>77.455.883.215</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	23.732.055.606	77.455.883.215
<b>b) Dài hạn</b>	<b>44.756.302.140</b>	<b>43.481.057.632</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	44.756.302.140	34.139.544.070
- Dự phòng phải trả khác (Dự phòng phải trả trợ cấp mất việc làm)	-	9.341.513.562
	<b>68.488.357.746</b>	<b>120.936.940.847</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(5.025.000.000)	819.607.405	64.580.464.743	186.096.715	571.636.332.758	451.373.236.710	2.531.084.564.955
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	295.481.573.316	81.759.924.268	377.241.497.584
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	43.282.286.166	-	(81.642.341.398)	(16.277.584.261)	(54.637.639.493)
Tặng ứng cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(177.192.937.228)	-	(177.192.937.228)
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	131.242.794	-	-	7.645.409.029	11.010.346.057	18.786.997.880
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	(16.767.693.539)	-	-	-	-	-	-	(16.767.693.539)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(36.555.059)	-	-	(36.555.059)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>30.746.133.085</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>950.850.199</b>	<b>107.862.750.909</b>	<b>149.541.656</b>	<b>615.928.036.477</b>	<b>527.865.922.774</b>	<b>2.678.478.235.100</b>
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(5.025.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.729.812.916.008
Tăng vốn trong kỳ này	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	-	-	-	-	216.378.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	297.774.574.189	103.075.494.579	400.850.068.768
Phân phối lợi nhuận của mẹ	-	-	-	-	-	29.500.000.000	-	(45.655.000.000)	-	(16.155.000.000)
Phân phối lợi nhuận của các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(22.847.925.053)	(8.102.049.400)	(21.870.467.572)
Chi trả cổ tức của mẹ	-	-	-	-	-	9.079.506.881	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)
Chi trả cổ tức của các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(47.981.217.400)	(47.981.217.400)
Ảnh hưởng khi công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	(1.756.701.142)	-	(1.131.258.777)	13.106.839.919	10.218.880.000
Ảnh hưởng khi chuyển công ty con thành liên kết	-	58.887.355	(463.112.454)	-	(838.620.418)	(21.031.286.782)	(198.392.508)	(154.079.823.962)	(147.898.138.232)	(324.450.487.001)
Chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	-	(43.203.791)	-	-	-	-	(43.203.791)
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	6.992.555	-	6.992.555
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>66.436.887.355</b>	<b>47.050.714.170</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>78.219.821</b>	<b>123.654.269.866</b>	<b>-</b>	<b>536.106.734.289</b>	<b>461.064.656.066</b>	<b>2.779.366.481.567</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/09/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp của Nhà nước	78,74%	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20,94%	324.552.000.000	12,47%	174.552.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,36%	5.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.400.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	150.000.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	167.400.000.000	167.400.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	167.400.000.000	167.400.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/09/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	139.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	154.500.000	139.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/09/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	123.654.269.866	107.862.750.909
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	198.392.508
	<b>123.654.269.866</b>	<b>108.061.143.417</b>

**21 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ**

	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	(881.824.209)	131.242.794
	<b>(881.824.209)</b>	<b>131.242.794</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**22 . NGUỒN KINH PHÍ**

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	3.295.030.509	3.667.528.637
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	9.704.276.600	16.245.000.000
Chi sự nghiệp	(10.120.094.562)	(10.563.474.829)
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b>2.879.212.547</b>	<b>9.349.053.808</b>

**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Tài sản thuê ngoài**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:	15.624.000.000	-
- Từ 1 năm trở xuống	-	-
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
- Trên 5 năm	15.624.000.000	-
	<b>15.624.000.000</b>	<b>-</b>

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Tài sản nhận giữ hộ</b>	-	<b>11.336.052.670</b>
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	-	11.336.052.670
<b>d) Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>9.524.621.748</b>	<b>9.524.621.748</b>

**e) Ngoại tệ các loại**

	30/09/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	521.334,36	3.117.490,89
- Đồng Bảng Anh (GBP)	-	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	-	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	-	3.385,48
- Đồng đô la Úc (AUD)	-	250,00
- Đồng Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	-	166.413.523,19

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015**25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý III năm 2015 VND	Quý III năm 2014 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, vật tư, phế liệu	3.436.518.092.614	2.292.873.575.212	7.854.494.841.204	6.885.175.860.839
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hợp đồng xây dựng	23.168.726.762	51.976.781.261	120.576.745.458	115.733.968.738
	<b>3.459.686.819.376</b>	<b>2.344.850.356.473</b>	<b>7.975.071.586.662</b>	<b>7.000.909.829.577</b>

**26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý III năm 2015 VND	Quý III năm 2014 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
Chiết khấu thương mại	5.147.612.088	-	179.566.933.218	-
Giảm giá hàng bán	27.006.929.975	-	35.759.949.143	468.433.395.936
Hàng bán bị trả lại	-	451.956.351.854	-	311.121.000
	<b>32.154.542.063</b>	<b>451.956.351.854</b>	<b>215.326.882.361</b>	<b>468.744.516.936</b>

**27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý III năm 2015 VND	Quý III năm 2014 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật tư, phế liệu đã bán	3.177.086.411.056	1.541.062.384.443	6.812.534.369.599	5.595.463.821.026
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp, hoạt động xây dựng	23.597.191.864	39.839.718.387	80.305.488.121	69.336.530.628
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	-	-	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	163.355.016	-	26.002.937.781	-
	<b>3.200.846.957.936</b>	<b>1.580.902.102.830</b>	<b>6.918.842.795.501</b>	<b>5.664.800.351.654</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015**28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý III năm 2015 VND	Quý III năm 2014 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	20.392.531.306	22.457.274.493	92.362.162.949	88.063.402.121
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	-	(21.931.818)	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>20.392.531.306</b>	<b>22.435.342.675</b>	<b>92.362.162.949</b>	<b>88.063.402.121</b>

**b) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Quý III năm 2015 VND	Quý III năm 2014 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	11.434.744	(264.197.796)	797.461.964	54.931.756
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(103.068.182)	-	-
	<b>11.434.744</b>	<b>(367.265.978)</b>	<b>797.461.964</b>	<b>54.931.756</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý III năm 2015 VND	Quý III năm 2014 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	106.117.671.063	118.096.588.284	297.774.574.189	295.481.573.316
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	103.139.925.321	118.096.588.284	294.796.828.447	295.481.573.316
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	142.533.088	139.300.000	142.533.088	139.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>724</b>	<b>848</b>	<b>2.068</b>	<b>2.118</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**30 . LẠI SUY GIÁM TRÊN CỔ PHIẾU**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý III năm 2015 VND	Quý III năm 2014 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	106.117.671.063	118.096.588.284	297.774.574.189	295.481.573.316
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	103.139.925.321	118.096.588.284	294.796.828.447	295.481.573.316
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	142.533.088	139.300.000	142.533.088	139.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>724</b>	<b>848</b>	<b>2.068</b>	<b>2.118</b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/09/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	264.941.982.468	-	770.927.664.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.308.969.448.794	(39.709.377.160)	1.008.087.079.901	(51.629.924.031)
Các khoản cho vay	424.283.701.038	-	288.668.581.649	-
Đầu tư dài hạn	9.215.707.611	(572.579.800)	10.591.514.600	(984.397.800)
	<b>2.007.410.839.911</b>	<b>(40.281.956.960)</b>	<b>2.078.274.840.984</b>	<b>(52.614.321.831)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	546.075.609.125	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	872.319.607.984	915.895.557.261
Chi phí phải trả	39.198.762.031	86.709.024.960
	<b>1.457.593.979.140</b>	<b>1.837.235.384.870</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/09/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	264.941.982.468	-	-	264.941.982.468
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.269.260.071.634	-	-	1.269.260.071.634
Các khoản cho vay	424.283.701.038	-	-	424.283.701.038
Đầu tư dài hạn	-	8.643.127.811	-	8.643.127.811
	<u>1.958.485.755.140</u>	<u>8.643.127.811</u>	<u>-</u>	<u>1.967.128.882.951</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	770.927.664.834	-	-	770.927.664.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	948.391.107.870	8.066.048.000	-	956.457.155.870
Các khoản cho vay	288.210.857.173	457.724.476	-	288.668.581.649
Đầu tư dài hạn	-	9.607.116.800	-	9.607.116.800
	<u>2.007.529.629.877</u>	<u>18.130.889.276</u>	<u>-</u>	<u>2.025.660.519.153</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/09/2015</b>				
Vay và nợ	514.147.920.125	31.927.689.000	-	546.075.609.125
Phải trả người bán, phải trả khác	863.348.455.842	8.971.152.142	-	872.319.607.984
Chi phí phải trả	39.198.762.031	-	-	39.198.762.031
	<b><u>1.416.695.137.998</u></b>	<b><u>40.898.841.142</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.457.593.979.140</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	806.250.113.649	28.380.689.000	-	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	908.297.977.599	7.597.579.662	-	915.895.557.261
Chi phí phải trả	86.709.024.960	-	-	86.709.024.960
	<b><u>1.801.257.116.208</u></b>	<b><u>35.978.268.662</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.837.235.384.870</u></b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**\*) SỐ LIỆU NGÀY 01/01/2015 TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2015**

Số liệu ngày 01/01/2015 trên Bảng cân đối kế toán - Báo cáo tài chính hợp nhất này (Báo cáo này) có sự thay đổi so với số liệu ngày 01/01/2015 trên Bảng cân đối kế toán - Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 (Báo cáo trước). Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Báo cáo này	Báo cáo trước
B. Tài sản dài hạn	1.682.298.233.075	1.680.198.233.075
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	458.740.221.118	456.640.221.118
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:		
B. Vốn chủ sở hữu	10.591.514.600	8.491.514.600
I. Vốn chủ sở hữu	2.740.816.311.783	2.738.716.311.783
3. Cổ phiếu quỹ	2.729.812.916.008	2.727.712.916.008
	-5.025.000.000	-7.125.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (TỔNG NGUỒN VỐN)</b>	<b>5.148.515.818.553</b>	<b>5.146.415.818.553</b>

Lý do: Báo cáo này không tiến hành hợp nhất số liệu của Công ty CP Thiết bị điện (do đã trở thành công ty liên kết) và Công ty CP Kinh doanh vật tư THIBIDI (là công ty con của Công ty CP Thiết bị điện). Chênh lệch giữa 02 báo cáo nêu trên là số tiền đầu tư của Công ty CP Kinh doanh vật tư và Tổng công ty. Trị giá đầu tư 2,1 tỷ đồng, tương đương 200.000 cổ phần.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:


	Mối quan hệ	30/09/2015	01/01/2015
		VND	VND
<b>Phải thu vốn cho vay</b>			
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Phải thu lãi cho vay vốn</b>			
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.545.819.163	1.174.265.563
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	135.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	180.000.000	175.000.000
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	129.586.149

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 do Tổng Công ty lập.

Tổng Công ty thực hiện thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Do đó Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 đã được Tổng Công ty lập theo phương pháp gián tiếp và không có số liệu so sánh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014.

  
Đoàn Thị Lan Phương  
Người lập

  
Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015